TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 9 – 2020
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.
- Ông Lý Văn Sua.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 680/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tú A, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn K, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 31/7/2020 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Tú A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn K chung sống vợ chồng vào năm 2015, đến năm 2017 tổ chức đám cưới gã nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị đi làm nuôi con nhưng anh K không đồng ý và chặn đường đánh chị, cuộc sống thiếu thốn về tài chính, không lo được cho con nên vợ chồng bất hòa, không hạnh phúc. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 20/6/2017 hiện cháu sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, anh Lê Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Tú A chung sống vợ chồng vào năm 2015, đến năm 2017 tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống theo anh không mâu thuẫn gì lớn, do làm ăn thiếu hụt nên nợ nần, vợ chồng xảy ra cãi vã, hiện anh cũng đã trả xong, thời gian gần đây anh nghi ngờ vợ anh có người khác trong lúc nóng giận anh có đánh chị 01 cái và có nhận lỗi với vợ, gia đình vợ. Nay anh xác định còn thương vợ, con nhưng chị Tú A cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Tú A có 01 con chung tên Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 20/6/2017 hiện cháu sống với chị Tú A. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Tú A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Nợ chung: Anh và chị Tú A không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Tú A, anh Lê Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến năm 2017 có tổ chức đám cưới gã nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 20/6/2017 hiện cháu sống với chị Tú A. Khi ly hôn, chị Tú A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, Anh K cũng thống nhất giao con chung cho chị Tú A nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho chị Tú A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Tú A, anh K xác định không có nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị Tú A, anh K khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Tú A và anh Lê Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 20/6/2017 cho chị Nguyễn Tú A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Tú A phải chịu 300.000đ. Ngày 03 tháng 8 năm 2020, chị Tú A đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002242 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.